

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 01 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Hoàng Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Hồng N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp M T, xã T A K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp T Đ A, xã T A K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trương Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh N chung sống với nhau vào năm 2019, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An K, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (nay là xã T A K, tỉnh Cà Mau) Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N không quan tâm, lo lắng khi chị bị bệnh, gia đình chồng đuổi chị đi. Chị N và anh N đã ly thân 04 năm nay. Thân tộc hai bên hàn gắn nhưng không thể chung sống được, điều đó chứng tỏ đời sống chung đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nhung yêu cầu xin ly hôn với anh Nhựt.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2019. Khi ly hôn chị N xin nuôi con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Chí N: Quá trình Tòa án triệu tập anh N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Hồng N có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Nguyễn Chí N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh, chị bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh N không quan tâm, lo lắng khi chị bị bệnh, gia đình chồng đuổi chị đi. Chị Nhung và anh N đã ly thân 04 năm nay. Thân tộc hai bên hàn gắn nhưng không thể chung sống được, điều đó chứng tỏ đời sống chung đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nhung, cho chị Trương Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Chí N

[3] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2019, tại đơn ghi nguyện vọng của cháu là được sống với chị N. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Cẩm Tiên, sinh năm 2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Hồng Nhung. Cho chị Trương Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2019 cho chị Trương Hồng Nhung tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Nguyễn Chí N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

tiền số 0005118 ngày 21/11/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Hồng N và anh Nguyễn Chí N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã T A K;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến

